

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-ST

Ngày: 29-5-2020.

“V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.
2. Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 08 và 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2020 về việc *“tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 40/2020/QĐST-DS ngày 13/04/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2020/QĐST – DS ngày 08 tháng 5 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số A, đường B, khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Phương D, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Số X, tổ Y, khóm Z, phường T, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà X có mặt, bà D vắng mặt).

NỘI D V U ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày: Bà Nguyễn Thị Thanh X và Nguyễn Phương D có quen biết nên vào ngày 01/12/2018 bà D có vay của bà X số tiền 2.500.000 đồng, có làm biên nhận và ngày 15/12/2018 bà D có vay của bà X số tiền 35.000.000 đồng, có làm biên nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thỏa thuận bằng lời nói không có làm biên nhận. Bà D hứa nửa tháng sau sẽ trả cho bà X, nhưng đến ngày trả bà D không giữ đúng lời hứa với bà X mặc dù bà X có yêu cầu bà D trả số tiền vay và tiền lãi nhiều lần nhưng bà D không thực hiện.

Bà X khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền của 02 biên nhận là 37.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/10/2019 là 10 tháng, mức lãi suất là 2%/tháng, thành tiền là 7.500.000 đồng. Tổng vốn vay và tiền lãi là 45.000.000 đồng. Bà X không yêu cầu tính lãi tiếp theo kể từ khi có đơn khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà X rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà D trả số tiền 2.500.000 đồng và tiền lãi theo biên nhận ngày 01/12/2018.

Tại phiên tòa, bà X yêu cầu bà Nguyễn Phương D trả cho bà X số tiền vốn vay là 35.000.000 đồng, theo hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 15/12/2018 và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 15/12/2018 đến ngày bà X làm đơn khởi kiện 15/10/2019 là 10 tháng với số tiền lãi là 2.915.000 đồng. Tổng số tiền là 37.915.000 đồng. Bà X không yêu cầu tiếp tục tính lãi của số tiền vay 35.000.000 đồng cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Đối với hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 15/12/2018 bà X xác nhận: phần chữ viết Nguyễn Thị Thanh X, 1965, kinh; 167, Hai Bà Trưng, F2, TPCL và chữ ký tên, ghi họ và tên ở “bên cho vay”, chữ “bên vay” là do chính bà X viết ra. Còn phần còn lại là do bà Nguyễn Phương D trực tiếp viết ra.

Bà Nguyễn Thị Thanh X cam kết phần chữ viết và chữ ký tên (ngoài chữ viết của bà X và chữ đánh máy sẵn) trong hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 15/12/2018 là của bà Nguyễn Phương D, đồng thời chữ ký tên và ghi họ và tên là do bà D trực tiếp ký và ghi. Trường hợp sau này có căn cứ xác định chữ viết, chữ ký nêu trên không phải của bà D làm ảnh hưởng đến nội D vụ án thì bà X hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Phương D đã được Tòa án thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn từ chối nhận văn bản của Tòa án và không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn có địa chỉ Phường 3, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn tuy nhiên bị đơn từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, không có văn bản ghi ý kiến và vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 2.500.000đồng theo biên nhận ngày 01/12/2018; xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội D: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 35.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 15/12/2018 (bản chính).

Xét hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 15/12/2018 do nguyên đơn xuất trình và nguyên đơn xác định bị đơn là bà Nguyễn Phương D trực tiếp viết phần họ và tên, số tiền và trực tiếp ký tên vào hợp đồng vay tiền giữa các bên cho thấy rằng việc bà X cho bà D vay tiền là có thật.

Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”.

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Phương D, mặc dù Tòa án đã thực hiện triệu tập, có thông báo yêu cầu đương sự cung cấp bản khai thể hiện ý kiến của đương sự đối với yêu cầu của nguyên đơn. Nhưng bà D từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, đồng thời cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản hay tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc bà D không có vay tiền của bà X hoặc đã trả cho bà X số tiền đã vay theo biên nhận nêu trên. Đồng thời bà X cũng không thừa nhận việc bà D có đóng tiền lãi hay đã trả số tiền vay nêu trên cho bà X. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà X về việc yêu cầu bà D trả số tiền vốn vay là có căn cứ để chấp nhận.

Về số tiền lãi của số tiền vay, xét thấy tại hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 15/12/2018 không thể hiện rõ việc thỏa thuận về lãi suất giữa các bên đương sự và thời hạn thanh toán số tiền vay. Tại phiên tòa, bà X yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với tiền lãi, bà X yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là lãi suất 10%/ năm, tính từ ngày 15/12/2018 đến ngày bà X làm đơn khởi kiện 15/10/2019 là 10 tháng với số tiền lãi được tính như sau: 35.000.000đồng x 10%/năm x 10 tháng = 2.915.000đồng. Bà X không yêu cầu tính lãi suất tiếp theo. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu về tiền lãi của bà X phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X, buộc bà Nguyễn Phương D trả cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền vốn vay là 35.000.000đồng và tiền lãi tính ngày 15/12/2018 đến ngày bà X làm đơn khởi kiện 15/10/2019 là 10 tháng với số tiền là 2.915.000đồng. Bà X không yêu cầu tính lãi tiếp theo.

Về lãi suất chậm trả: tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn nên không thỏa thuận được lãi suất chậm trả, Tòa án xem xét tính lãi suất chậm trả theo khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do được chấp nhận yêu cầu nên bà Nguyễn Thị Thanh X không phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Đối với bà Nguyễn Phương D, theo năm sinh mà nguyên đơn cung cấp, bà D thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên bà D không có đơn yêu cầu Tòa án xem xét để miễn án phí nên bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X về việc yêu cầu bà Nguyễn Phương D trả số tiền 2.500.000đồng theo biên nhận ngày 01/12/2018.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X.

Buộc bà Nguyễn Phương D trả cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền vốn vay là 35.000.000đồng và tiền lãi là 2.915.000đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 37.915.000đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng).

Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Phương D phải nộp 1.895.750 đồng (một triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Thanh X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000đồng (một triệu một trăm hai

mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007986 ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Mỹ Như